

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Nghị quyết số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 tháng 2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa

bàn tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc phân bổ nguồn vốn từ ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh Thanh Hóa để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 27/8/2022 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 6590/SKHĐT-KTNN ngày 25/9/2022 về việc triển khai Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 27/8/2022 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với những nội dung sau:

1. Điều chỉnh phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 2755/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Chi tiết có phụ lục kèm theo*).

2. Các nội dung khác giữ nguyên như Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh (cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình) tham mưu cho UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 của Chương trình đảm bảo quy định. Đồng thời, chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ chi tiết đối với số vốn giai đoạn 2021-2025 của Chương trình chưa được phân bổ chi tiết.

2. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch

UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và PTNT (đề b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục: CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Vốn giao cho cấp huyện, xã	HTX và nhiệm vụ phát sinh	
	Tổng cộng (A+B):	1.920.500	1.670.500	250.000	
A	Số vốn phân bổ chi tiết	1.670.500	1.670.500		
I	Các huyện đồng bằng ven biển	314.205	314.205		
1	Quảng Xương	45.331	45.331		
2	TX. Bim Sơn	2.519	2.519		
3	TP Thanh Hóa	5.038	5.038		
4	Hoảng Hóa	78.070	78.070		
5	Nga Sơn	52.886	52.886		
6	Hậu Lộc	56.864	56.864		
7	Tp. Sầm Sơn	7.555	7.555		
8	TX. Nghi Sơn	65.941	65.941		
II	Các huyện đồng bằng, trung du	381.870	381.870		
1	Yên Định	42.812	42.812		
2	Đông Sơn	25.184	25.184		
3	Thọ Xuân	40.294	40.294		
4	Thiệu Hóa	57.923	57.923		
5	Nông Cống	60.442	60.442		
6	Vĩnh Lộc	22.665	22.665		

7	Hà Trung	59.516	59.516		
8	Triệu Sơn	73.034	73.034		
III	Các huyện miền núi	974.425	974.425		
1	Thạch Thành	129.764	129.764		
2	Như Thanh	75.727	75.727		
3	Cẩm Thủy	106.988	106.988		
4	Ngọc Lặc	85.450	85.450		
5	Thường Xuân	86.839	86.839		
6	Quan Hóa	126.313	126.313		
7	Quan Sơn	55.187	55.187		
8	Như Xuân	61.859	61.859		
9	Lang Chánh	63.135	63.135		
10	Bá Thước	163.514	163.514		
11	Mường Lát	19.648	19.648		
B	Số vốn chưa phân bổ chi tiết	250.000		250.000	
I	Hỗ trợ phát triển KT tập thể, HTX; thực hiện các nhiệm vụ phát sinh	250.000		250.000	Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối xây dựng NTM xây dựng phương án phân bổ chi tiết, tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh theo quy định